



KHOA HỌC Công Nghệ

Số
12/2018

THÔNG TIN PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO & NỘI BỘ

SỞ KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học để xử lý COD, nitơ và phốt-pho hòa tan trong chất thải hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Vấn đề ô nhiễm môi trường nước đã và đang diễn ra hầu hết ở các huyện thị trong tỉnh Tiền Giang và có chiều hướng gia tăng theo sự phát triển của chăn nuôi, công nghiệp, chế biến và sinh hoạt... Đứng trước nhu cầu xử lý các vấn đề môi trường và nhận thức được hiệu quả của các biện pháp sử dụng công nghệ sinh học mang lại, tỉnh Tiền Giang đã ban hành các văn bản pháp lý thúc đẩy ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn toàn tỉnh, bao gồm Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/9/2011 của tỉnh Tiền Giang về Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 06/12/2011 của Tỉnh Tiền Giang về Phát triển Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 22/06/2012 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Tiền Giang về Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ sinh học tỉnh Tiền Giang đến năm 2015.

Nhằm xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường thực tế của tỉnh và nhận thức được hiệu quả của các biện pháp sử dụng công nghệ sinh học mang lại, đề tài "Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học để xử lý COD, nitơ và phốt-pho hòa tan trong chất thải hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang" được thực hiện với mục tiêu: Phân lập, tuyển chọn và sản xuất chế phẩm sinh học ứng dụng xử lý nước thải chăn

nuôi heo sau biogas, cơ sở sản xuất bánh bún qui mô phòng thí nghiệm và nước thải 01 cơ sở kinh doanh ăn uống qui mô 20-50m³/ngày đêm, để giảm hàm lượng COD và loại bỏ nitơ, phốt-pho hòa tan đạt chuẩn thải theo QCVN 40:2011/BTNMT. Đề tài do Trung Tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học Tiền Giang chủ trì và Tiến sĩ Lê Quang Khôi làm chủ nhiệm được thực hiện trong 02 năm, từ tháng 9/2016 - tháng 8/2018.

Sau thời gian nghiên cứu, thực nghiệm, đề tài đã đạt được các kết quả có ý nghĩa về mặt khoa học và có tính ứng dụng vào thực tiễn cao. Cụ thể:

- Sản xuất 150 lít chế phẩm vi sinh có mật độ sinh vi khuẩn (>108 CFU/ml) với khả năng làm sạch các loại nước thải: Nước thải COD, SS, Tổng N, TP đạt cột A (đối với nước thải cơ sở sản xuất bánh bún, kinh doanh ăn uống) và cột B (đối với nước thải cơ sở chăn nuôi heo sau biogas) theo QCVN 40:2011/BTNMT.

- Xây dựng 03 quy trình công nghệ: Quy trình phân lập và tuyển chọn vi khuẩn kết tụ, loại bỏ N, P; Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học từ các chủng vi khuẩn có hoạt lực cao được tuyển chọn; Quy trình xử lý nước thải bằng chế phẩm sinh học quy mô phòng thí nghiệm.

- Xây dựng 01 mô hình trình diễn xử lý nước thải thực tế tại cơ sở kinh doanh ăn uống Lộc Phó quy mô > 20m³/ngày - đêm đạt loại A theo QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 14:2008/BTNMT.

- Tổ chức 01 lớp tập huấn cho các nông dân, hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

Đề tài đã được Hội đồng đánh giá xếp loại Đạt và chuyển giao cho Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học Tiền Giang ứng dụng kết quả.

CN. Vũ Phương Thảo

Khảo sát tình trạng gây ô nhiễm môi trường và phát tán các vi khuẩn đề kháng đối với kháng sinh từ chất thải của các cơ sở chăn nuôi heo và đề xuất giải pháp khắc phục

Tiền Giang là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với thế mạnh là phát triển cây cần quả, rau màu và chăn nuôi. Về chăn nuôi, con heo là đối tượng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu ngành chăn nuôi với tổng đàn 591.000 con (Cục Thống kê Tiền Giang năm 2018), đứng đầu vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Cùng với lợi ích kinh tế xã hội, ngành chăn nuôi heo cũng đang tạo nguy cơ về ô nhiễm môi trường. Với tổng đàn heo hiện có, hàng năm ước tính khối lượng chất thải từ chăn nuôi heo lên đến hàng trăm ngàn tấn. Đây là nguồn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây lây lan dịch bệnh trên vật nuôi, ảnh hưởng sức khỏe con người và môi trường sinh thái nếu chất thải này không được quản lý, kiểm soát và xử lý triệt để.

Để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường từ chăn nuôi heo của tỉnh Tiền Giang trên cơ sở định lượng, trường Đại học Nông lâm TP. HCM kết hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì tiến hành thực hiện đề tài "Khảo sát tình trạng gây ô nhiễm môi trường và phát tán các vi khuẩn đề kháng đối với kháng sinh từ chất thải của các cơ sở chăn nuôi heo và đề

xuất giải pháp khắc phục” do Phó Giáo sư Tiến sĩ Hồ Thị Kim Hoa làm chủ nhiệm.

Đề tài được thực hiện nhằm hướng tới các mục tiêu sau:

- Đánh giá thực trạng quản lý, xử lý chất thải và mức độ ô nhiễm môi trường nước và không khí do chất thải chăn nuôi từ các cơ sở chăn nuôi heo quy mô vừa và nhỏ ở Tiền Giang.

- Đánh giá sự hiện diện và nguy cơ phát tán vi khuẩn đề kháng đối với kháng sinh trong hệ vi sinh vật đường ruột của heo ra môi trường.

- Đề xuất giải pháp khả thi để giảm tình trạng gây ô nhiễm môi trường từ các cơ sở chăn nuôi heo quy mô vừa và nhỏ nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Kết quả điều tra và quan sát thực tế 120 cơ sở chăn nuôi heo quy mô vừa và nhỏ trên địa huyện Cái Bè và huyện Chợ Gạo, nhóm nghiên cứu rút ra các kết luận sau đây:

Về thực trạng quản lý, xử lý chất thải và mức độ ô nhiễm môi trường nước và không khí do chất thải chăn nuôi từ các cơ sở chăn nuôi heo quy mô vừa và nhỏ ở Tiền Giang:

- Đa số các cơ sở chăn nuôi (CSCN) có hệ thống biogas xử lý chất thải (78%), tỷ lệ này ở huyện Cái Bè (88%) cao hơn so với Chợ Gạo (68%).

- Tỷ lệ CSCN có thu gom phân chưa cao (44%), đặc biệt tỷ lệ CSCN có thu gom phân ở huyện Cái Bè chỉ có 13%. Điều này dẫn tới lượng nước dùng rửa chuồng rất cao, làm cho việc quản lý chất thải khó khăn hơn, cần đầu tư hệ thống biogas lớn hơn, diện tích/thể tích ao chứa phải lớn để chịu được mức thải chất hữu cơ cao.

- Đa số các CSCN cho nước thải (cả nước thải biogas) vào ao lắng chưa có lót, có thể dẫn tới sự thấm chất thải vào nước ngầm. Nhiều CSCN ở Chợ Gạo có nồng độ H₂S vượt quá mức khuyến cáo.

- Kiểm tra chất chài và nước giếng tại các CSCN và nước mặt trong khu vực chăn nuôi cho thấy:

+ 91% mẫu nước thải từ các CSCN kiểm tra không đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cho nước thải chăn nuôi xả vào nguồn loại B (nguồn nước không dùng cho sinh hoạt).

+ 89% mẫu nước giếng được kiểm tra không đạt QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Các mẫu nước giếng sử dụng tại các CSCN bị ô nhiễm chất hữu cơ và vi sinh vật cao.

+ Tất cả các mẫu nước sông/rạch kiểm tra không đạt QCVN 08-MT:2016/BTNMT cho nước mặt. Hàm lượng chất hữu cơ và vi sinh vật, đặc biệt là phốt pho tổng số trong nước rất cao.

Về sự hiện diện và nguy cơ phát tán vi khuẩn đề kháng đối với kháng sinh trong hệ vi sinh vật đường ruột của heo ra môi trường:

Tất cả các mẫu nước thải, nước mặt (sông/rạch) và 75% mẫu nước giếng đều phát hiện vi khuẩn đề kháng kháng sinh; trong đó, có nhiều vi khuẩn đa đề kháng – đây là kết quả đầu tiên ở Việt Nam khảo sát sự hiện diện các gene đề kháng kháng sinh nhóm β -lactam (và quinolone) của các vi khuẩn trong nước giếng và nước mặt liên quan đến chất thải từ chăn nuôi.

Từ các nghiên cứu trên, nhóm nghiên cứu đưa ra các đề xuất như: Các CSCN nên thu gom phân và ủ phân hiếu khí; Yêu cầu các CSCN cần phải có hệ thống biogas với công suất phù hợp với quy mô chăn nuôi; Nên sử dụng ao lắng chất thải lỏng từ hầm biogas, nên có một hệ thống 2-3 ao lắng, ao cần được lót tấm chống thấm để ngăn ô nhiễm nước ngầm; Khí sinh học (biogas) được dùng chạy máy phát điện, động cơ vận hành hệ thống quạt trong chuồng, bơm nước, giúp giảm chi phí tiêu thụ điện.

Đề tài đã xây dựng Quy trình quản lý, xử lý chất thải chăn nuôi đối với điều kiện chăn nuôi heo quy mô vừa và nhỏ ở địa phương; các khuyến cáo sử dụng kháng sinh hợp lý trong chăn nuôi heo và xây dựng 4 mô hình điểm về quản lý, xử lý chất thải từ các cơ sở chăn nuôi heo tại Tiền Giang.

Đề tài được Hội đồng đánh giá xếp loại Đạt và chuyển giao cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Khuyến nông, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện để nhân rộng trong hộ chăn nuôi nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

CN. Vũ Phương Thảo

Hỗ trợ nông dân ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

Với vai trò nghiên cứu và chuyển giao Khoa học - Công nghệ (KH-CN) phục vụ cộng đồng, thời gian qua, Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học (KT&CNSH) - Sở KH-CN đã chuyển giao mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho người dân ở nhiều tỉnh đạt hiệu quả cao.

Hiện nay, Trung tâm KT&CNSH đã nghiên cứu, tiếp nhận các chuyển giao về khoa học ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong canh tác nông nghiệp theo hướng nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp đô thị. Đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ nhà màng và công nghệ tưới nhỏ giọt trong canh tác dưa lưới. Hiện Trung tâm KT&CNSH đã tư vấn và chuyển giao kỹ thuật trồng dưa lưới cho nhiều người dân ở các tỉnh Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Long An, Bình Thuận, Thanh Hóa. Theo đánh giá, việc chăm sóc, bón phân, tưới nước tiết kiệm giúp độ ẩm đất đồng đều và tối ưu; vùng rễ tơi xốp, tăng khả năng hô hấp của rễ; tăng hiệu quả hấp thu nước và chất dinh dưỡng. Nhờ quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt nên sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm (không dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và Nitrate).

Theo Trung tâm KT&CNSH, mặc dù mang hàm lượng kỹ thuật, công nghệ cao, song hầu hết các nông hộ nhận chuyển giao đều nắm vững các nội dung về kỹ thuật. Kết quả dưa lưới thu hoạch tại các mô hình đều đạt năng suất cao, tỷ lệ trái đạt loại 1 (trọng lượng trái trung bình từ 1,2kg trở lên) đạt trên 90%. Lợi nhuận trung bình tại các mô hình đạt từ 50% trở lên, dao động từ khoảng 10 - 30 triệu đồng/mô hình (tùy vào diện tích và giá dưa lưới tại thời điểm bán). Quy trình canh tác dưa lưới trong nhà màng được người dân đánh giá mang lại hiệu quả kinh tế cao, khả năng thu hồi vốn nhanh.

9 tháng đầu năm 2018, Trung tâm KT&CNSH đã chuyển giao mô hình canh tác dưa lưới tại tỉnh Long An, Thanh Hóa; chuyển giao mô hình canh tác rau ăn lá thủy

canh tại tỉnh Thanh Hóa, Tiền Giang.

Cụ thể, mô hình canh tác dưa lưới trong nhà màng với diện tích 1.300 m² của ông Huỳnh Thanh Thanh Tâm (xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An) được Trung tâm KT&CNSH hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật. Đây là vụ thứ 3 anh Tâm trồng dưa lưới trong nhà màng. Theo anh Tâm, điều khó khăn khi trồng dưa lưới trong nhà màng là chi phí đầu tư ban đầu khá cao (nhà màng, hệ thống tưới, cáp treo... tổng chi phí 350 triệu đồng/1.300m²) và yếu tố kỹ thuật. Song, được sự hỗ trợ của Trung tâm KT&CNSH, anh dần nắm bắt các kỹ thuật và quy trình sản xuất. Vụ đầu tiên, anh thu hoạch được 4,5 tấn dưa lưới, thu lợi nhuận 40 triệu đồng; vụ thứ 2 anh cũng thu hoạch được 4,5 tấn dưa lưới, thu lợi nhuận 60 triệu đồng. Sau 3 vụ canh tác, anh Tâm thu hồi trên 50% số vốn đầu tư ban đầu. Trong thời gian tới, anh Tâm sẽ tiếp tục đầu tư thêm 2.000m² trồng dưa lưới trong nhà màng.

Theo Kỹ sư Đặng Quốc Trung, Trung tâm KT&CNSH, người hỗ trợ trực tiếp mô hình trồng dưa lưới cho anh Tâm chia sẻ: “Khó khăn trong sản xuất dưa lưới là việc thụ phấn bằng tay, đòi hỏi sự tỉ mỉ và đồng loạt. Bên cạnh yếu tố môi trường, thời tiết cũng là yếu tố quan trọng dẫn đến năng suất của dưa lưới”.

Hiện tại, Trung tâm KT&CNSH vẫn đang tiếp tục chuyển giao các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giúp người dân nâng cao thu nhập và sản xuất ra sản phẩm an toàn.

Ngoài việc hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật sản xuất các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Trung tâm KT&CNSH còn cung cấp các dịch vụ thiết kế, lắp đặt nhà màng, nhà lưới và hệ thống tưới nhỏ giọt; chuyển giao quy trình công nghệ trồng rau ăn lá và ăn quả bằng phương pháp tưới nhỏ giọt. Trung tâm hiện đang cung cấp các loại sản phẩm và dịch vụ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học bao gồm: Phân hữu cơ vi sinh; chế phẩm vi sinh vật; dung dịch thủy canh; men tiêu hóa; giá thể hữu cơ...

M. THÀNH - T. LÂM

Hội thảo Kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm nông nghiệp được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Trong khuôn khổ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, ngày 23 và 24/11/2018, tại Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp đã tổ chức Hội thảo “**Kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm nông nghiệp được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ**”.

Hội thảo có sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và nông nghiệp ở Trung ương và địa phương; các hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp; đơn vị tư vấn, cung cấp sản phẩm, giải pháp kiểm soát, truy xuất nguồn gốc, chất lượng sản phẩm; đơn vị cung cấp dịch vụ về sở hữu trí tuệ; đơn vị truyền thông, báo chí.

Nội dung hội thảo đã làm rõ các vấn đề về thực trạng bảo hộ quyền SHTT đối với nhãn hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý cho sản phẩm nông nghiệp; bối cảnh bảo hộ dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý cho sản phẩm nông nghiệp; vai trò và yêu cầu truy xuất nguồn gốc và chất lượng; vấn đề sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý và sản phẩm để đăng ký bảo hộ; mối quan hệ nhà nước- chủ sở hữu trong quản lý dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý; tiêu chuẩn hỗ trợ việc xác định nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp; chính sách thực trạng công tác quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản; những kinh nghiệm của các địa phương trong vấn đề truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp được bảo hộ; các loại hình truy xuất nguồn gốc.

Thông qua việc bảo hộ dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý cho sản phẩm nông nghiệp và sử dụng tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nông nghiệp thế mạnh sẽ khẳng định được uy tín của các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng. Đồng thời, tạo được niềm tin cho người tiêu dùng và các bên liên quan từ việc truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm có gắn tem truy xuất nguồn gốc.

Tại hội thảo, các chuyên gia đồng tình về sự cần thiết của việc kiểm soát nguồn gốc, chất lượng sản phẩm nông nghiệp đối với hàng hóa nội địa và xuất khẩu, đồng thời đưa ra những giải pháp thực tế ứng dụng truy xuất nguồn gốc tại các doanh nghiệp; các giải pháp chống hàng giả, ứng dụng công nghệ 4.0 phục vụ việc truy xuất nguồn gốc nông sản; Blockchain, công cụ xác thực và xu hướng sử dụng công nghệ Blockchain phục vụ kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sản phẩm nông sản.

CN. Nguyễn Minh Thu

Giống dưa lưới lai F1 VNUA68

Dưa lưới (*Cucumis melo reticulatus*) là loại quả có giá trị cao, được trồng phổ biến trên thế giới, người trồng có thể thu lãi hàng trăm triệu mỗi tháng nếu áp dụng công nghệ cao. Tại Việt Nam, mấy năm gần đây người dân bắt đầu trồng dưa lưới, tuy nhiên các giống dưa lưới trồng ở Việt Nam thường là giống nhập nội, giá hạt giống rất cao (khoảng 14.000 đồng một hạt).

Trước nhu cầu phát triển sản xuất dưa lưới tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng (Học viện Nông nghiệp Việt Nam) đã nghiên cứu lai tạo thành công giống dưa lưới VNUA68. Giống dưa VNUA68 là tổ hợp lai giữa dòng mẹ MLWO050718 với dòng bố MLGR150718, có thời gian sinh trưởng, phát triển ngắn (từ khi trồng đến ra hoa là 30 ngày và từ trồng đến thu hoạch quả đầu tiên là 75 ngày), khối lượng quả đạt 1,5-2,0 kg, vỏ mỏng, thịt quả màu vàng đậm, mềm giòn, ngọt đậm, độ Brix 13-15%, mùi thơm, năng suất đạt 45-60 tấn/ha. Bên cạnh việc cung cấp hạt giống dưa VNUA68, Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng còn hỗ trợ tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho các cơ sở có nhu cầu sản xuất giống dưa này.

Chi tiết xin liên hệ: Vũ Văn Liệt - Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội; Tel: 0912 006 399; Email: vvliet@vnua.edu.vn

khoahocvacongnghevietnam.com.vn

Trung tâm đổi mới sáng tạo về Internet vạn vật: Phát huy tiềm năng của Việt Nam trong CMCN 4.0

Tối ngày 28/11/ 2018, tại Hà Nội, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) và Công ty Ericsson (NASDAQ: ERIC) đã tiến hành ký kết biên bản ghi nhớ (MoU) hợp tác thiết lập “IoT Innovation Hub” (Trung tâm đổi mới sáng tạo về Internet vạn vật). Thỏa thuận hợp tác chiến lược này được ký kết bởi ông Chu Ngọc Anh - Bộ trưởng Bộ KH&CN và ông Denis Brunetti - Tổng giám đốc Công ty Ericsson Việt Nam, Myanmar, Campuchia và Lào tại buổi lễ “Nobel Inspired Gala Dinner” do Đại sứ quán Thụy Điển tổ chức.

Sự hợp tác này đánh dấu 50 năm quan hệ song phương giữa Thụy Điển và Việt Nam cũng như kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Ericsson tại Việt Nam. Đây cũng là một trong những sáng kiến nằm trong khuôn khổ chuỗi hoạt động đổi mới sáng tạo năm 2018 tại Việt Nam do Bộ KH&CN chủ trì.

Hỗ trợ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về IoT

Biên bản ghi nhớ này thể hiện cam kết lâu dài của Công ty Ericsson trong việc xây dựng nền tảng kỹ thuật, sáng tạo, đổi mới để phát huy tiềm năng của Việt Nam trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0). “IoT Innovation Hub” sẽ là một môi trường thuận lợi hỗ trợ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về IoT. Trung tâm này cũng sẽ hỗ trợ các nhóm nghiên cứu tạo ra các ứng dụng IoT mới, hỗ trợ sản xuất thử nghiệm, hỗ trợ kết nối các nhà đầu tư và thương mại hóa sản phẩm.

Phát biểu tại Lễ ký kết Bản ghi nhớ, Bộ trưởng Bộ KH&CN Việt

Nam Chu Ngọc Anh đánh giá cao việc ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác với Công ty Ericsson của Thụy Điển. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0, Việt Nam rất cần nhanh chóng xây dựng chiến lược quốc gia để bắt kịp xu thế của thời đại. Với hơn 140 năm kinh nghiệm về phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, Ericsson sẽ là một trong những đối tác đáng tin cậy của Việt Nam trong chiến lược này. Bộ trưởng hoàn toàn tin tưởng sự hợp tác sẽ có hiệu quả và mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên.

Bộ trưởng Bộ KH&CN Chu Ngọc Anh cho rằng, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày nay, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đã thực sự trở thành động lực quyết định tốc độ và chất lượng phát triển của các nền kinh tế, là nhân tố quan trọng nhất thúc đẩy năng lực cạnh tranh của quốc gia và doanh nghiệp. Sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0 đang mang lại nhiều cơ hội cho Việt Nam với kỳ vọng tạo ra sự phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Sẵn sàng nắm bắt cơ hội

Bộ trưởng Chu Ngọc Anh cũng chia sẻ, trên thực tế, Việt Nam còn chưa bắt kịp với những xu thế và bản chất của cuộc cách mạng này. Chính phủ Việt Nam nhận thức rất rõ về điều này, về nhu cầu cấp bách xây dựng một chiến lược quốc gia với các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nền kinh tế số và các ngành công nghiệp 4.0. Việt Nam cũng rất cần hoàn thiện thể chế pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, đặc

biệt là công nghệ thông tin - truyền thông, phát triển hạ tầng kết nối số, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, hoàn thiện mạng di động 4G, nghiên cứu triển khai 5G nhằm đáp ứng yêu cầu của lĩnh vực Internet vạn vật trong thời gian sớm nhất.

“Với mục đích xây dựng nền tảng công nghệ cho Việt Nam sẵn sàng và tiến lên nắm bắt cơ hội trong các xu hướng mới nhất về số hóa và kết nối và hỗ trợ các thực thể Việt Nam trong làn sóng đột phá khoa học - công nghệ và tăng cường hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu”- Bộ trưởng Chu Ngọc Anh khẳng định.

Ông Denis Brunetti, Tổng Giám đốc Ericsson Việt Nam, Myanmar, Campuchia và Lào, đồng thời là đồng chủ tịch Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam cho biết: “Tại Ericsson, chúng tôi ủng hộ tầm nhìn của Chính phủ Việt Nam phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc ứng dụng đổi mới khoa học và công nghệ”. Ericsson ủng hộ “Chương trình Mạng lưới Đổi mới Quốc gia” của Chính phủ trong việc nhìn nhận nhu cầu nâng cao năng lực đổi mới của Việt Nam để đáp ứng những thách thức và nắm bắt các cơ hội liên quan đến CMCN 4.0 là cần thiết”.

Ông Denis Brunetti cũng nhấn mạnh: “Bằng việc thiết lập IoT Innovation Hub phối hợp với Bộ KH&CN, Ericsson đang kỷ niệm 25 năm thành lập tại Việt Nam bằng cách đầu tư vào tương lai của đất nước, lấy đổi mới công nghệ thông tin là động cơ cho sự tăng trưởng và thịnh vượng của quốc gia”.

Dự kiến “IoT Innovation Hub” sẽ được đặt tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và triển khai hoạt động vào Quý I năm 2019.

Nguồn: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN – Tri Thức biên tập